

UBND HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG THCS TRUNG MỸ TÂY 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:275/KH-TMT1

Hóc Môn, ngày 14 tháng 09 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện ba công khai

- Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT – BGDDT ngày 20 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học;
- Căn cứ vào Thông tư số 36/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
- Căn cứ Kế hoạch giáo dục năm học 2022-2023 của trường THCS Trung Mỹ Tây 1

- Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường;

Trường THCS THCS Trung Mỹ Tây 1 lập kế hoạch thực hiện chế độ 3 công khai năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÔNG KHAI

- Thực hiện công tác công khai của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, thu chi tài chính để toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh và xã hội có thể theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá các hoạt động của nhà trường trong năm học 2022- 2023 theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các thành viên của nhà trường trong công tác quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục của nhà trường; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, các hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh ở trường, kết quả đánh giá về năng lực, phẩm chất, học tập của học sinh (Biểu mẫu 09).

- Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét tốt nghiệp,

được công nhận tốt nghiệp, học sinh nam/nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Biểu mẫu 10).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Biểu mẫu 11).
- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12).

3. Công khai thu chi tài chính

- Tình hình tài chính của nhà trường: Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành và quy chế công khai tài chính. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.
- Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.
- Các khoản thu theo năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước, mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất), mức chi thường xuyên/1 học sinh, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.
- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

- Công khai trên trang thông tin điện tử của trường vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.
- Niêm yết công khai tại bảng thông tin của trường đảm bảo thuận lợi để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2021-2022 và xây dựng kế hoạch công khai của năm học 2022-2023.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường ở các cấp.
- Thực hiện công bố các kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức bằng các hình thức như sau:
 - + Công bố công khai trong các cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường, các cuộc họp liên tịch.
 - + Niêm yết công khai các kết quả kiểm tra tại bảng thông tin của nhà trường.
 - + Công khai trên trang thông tin điện tử của trường

2. Trách nhiệm của các thành viên thực hiện công tác 03 công khai trong nhà trường

- Hoàn thành các nội dung công khai theo các biểu mẫu
- Thực hiện công khai các nội dung liên quan đến thu, chi tài chính
- + Công khai các quỹ từ ngân sách, các quỹ khác trong nhà trường.
- + Niêm yết công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính.
- + Công khai các khoản thu, chi hàng năm: chi lương, chi thường xuyên, chi đầu tư, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị trong nhà trường,...
- + Công khai các kết quả kiểm toán (nếu có).

Ban thanh tra nhân dân

- Có trách nhiệm thanh tra các quỹ đúng thời gian, công khai vào hội nghị viên chức hàng năm và niêm yết công khai tại bản tin nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện 3 công khai trong năm học 2022-2023 của Trường THCS-THSP Trung Mỹ Tây 1. Đề nghị tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt kế hoạch đề ra nhằm sử dụng và bảo quản tài sản nhà trường đạt hiệu quả cao nhất ./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các tổ chức, bộ phận (thực hiện);
- Lưu.



Nguyễn Thị Ngọc Thảo

UBND HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG THCS TRUNG MỸ TÂY 1

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Trung Mỹ Tây 1
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo chỉ tiêu, kế hoạch tuyển sinh của UBND huyện Hóc Môn: 16 lớp			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình GD PT năm 2006 cho học sinh khối 8,9 và chương trình GDPT năm 2018 cho học sinh khối 6,7. - Thực hiện giáo dục kĩ năng sống, Tiếng anh với người bản ngữ, giáo dục ngoài nhà trường: phổ cập bơi lội. - Dạy nghề cho học sinh khối 8, hướng nghiệp cho HS khối 9. 			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và các tổ chức đoàn thể địa phương. - Học sinh thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập, có ý thức chấp hành tốt pháp luật, nội qui nhà trường, nội qui học tập. - Thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua nhiều kênh khác nhau. 			

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các phong trào thi đua học tốt. - Giáo dục học sinh qua các chuyên đề: bình đẳng giới, an toàn giao thông, - Các Câu lạc bộ, đội, nhóm,....
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	<ul style="list-style-type: none"> - Hạnh kiểm(phẩm chất năng lực): đạt yêu cầu; 99 % - Học lực: đạt yêu cầu: 95.5 % - Sức khỏe: HS có đủ sức khỏe tham gia việc học tập.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất 99% HS lên lớp sau thi lại. 99.0 % tốt nghiệp THCS.

....., ngày 14. tháng 9. năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Ngọc Thảo

UBND HUYỆN HỌC MÔN

TRƯỜNG THCS TRUNG MỸ TÂY 1
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Trung Mỹ Tây 1, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2967	665	895	770	547	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2673	631	907	649	486	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	90,09	94,89	92,08	84,29	88,85	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	256	34	64	101	57	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	8,63	5,11	6,50	13,12	10,42	
5	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	37	0	14	20	4	
6	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1,25	0	1,32	2,60	0,73	
7	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	0	0	
8	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,03	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	2967	665	895	770	547	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1331	313	412	314	292	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	44,86	47,07	41,83	40,78	53,38	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1030	230	346	276	178	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	34,72	34,59	35,13	35,84	32,54	
5	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	551	116	346	153	77	
6	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	18,57	17,44	35,13	19,87	14,08	
7	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	51	6	21	24	0	
8	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1,72	0,9	2,13	3,12	0	
9	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	4	0	1	3	0	
10	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0,13	0	0,1	0,39	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2967	665	895	770	547	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2912	659	963	743	547	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	98,15	99,1	97,77	96,49	100	
b	Học sinh tiên tiến	1331	313	412	314	292	
		44,86	47,07	41,83	40,78	53,38	
		1030	230	346	276	178	

	(tỷ lệ so với tổng số)	34,72	34,59	35,13	35,84	32,54
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	51 1,72	6 0,9	21 2,13	24 3,12	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,13	0	1 0,1	3 0,39	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12/54	6/16	2/18	3/17	1/3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	54	13	10	23	8
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	8	7	1	0	0
1	Cấp huyện	8	7	1	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	665				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	665				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	313 47,07				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	230 34,59				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	116 17,44				
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1551/1416	438/227	393/502	359/411	321/266
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	76	17	31	16	12

....., ngày 14.. tháng 9... năm 2011..?

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Ngọc Thảo

**UBND HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG THCS TRUNG MỸ TÂY 1**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Trung Mỹ
Tây 1, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	52	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	52	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	9	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1.29 (67/52)	-
8	Bình quân học sinh/lớp	47.6 (3190/67)	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	9.083.3 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3.729.2 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	9.706.2 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	56 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	56 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	210 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	500.6 m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	53.6 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1	
1.1	Khối lớp 6	0	

1.2	Khối lớp 7	0	
1.3	Khối lớp 8	0	
1.4	Khối lớp 9	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	150	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	24	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	13	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...		
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	24	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	13	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...		
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Trần..., ngày 14... tháng 9... năm 2011

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Ngọc Thảo

